



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017****PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã số phiếu: 2500852

1. Tên khách hàng : CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM -
XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

Địa chỉ: Số 2/3 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP. HCM

2. Thông tin mẫu : Nước thải sau xử lý3. Ngày nhận mẫu : 13/01/20254. Thời gian thử nghiệm : 13/01/2025 - 21/01/20255. Ngày trả kết quả : 21/01/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C; Cột B (K _r =1,1; K _q =1,1)	Phương pháp phân tích
01	Màu (pH = 7)	Pt - Co	22	-	150	SMEWW 2120C:2023
02	pH	-	6,50	-	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
03	BOD ₅	mg/L	19	-	60,5	SMEWW 5210B:2023
04	COD	mg/L	42	-	181,5	SMEWW 5220C:2023
05	TSS	mg/L	21	-	121	TCVN 6625:2000
06	Asen (As)	mg/L	KPH	0,001	0,121	SMEWW 3113B:2023
07	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH	0,00015	0,0121	SMEWW 3112B:2023
08	Chì (Pb)	mg/L	KPH	0,0015	0,605	SMEWW 3113B:2023
09	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH	0,00015	0,121	SMEWW 3113B:2023
10	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH	0,003	0,121	SMEWW 3500-Cr.B:2023
11	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH	0,003	1,21	SMEWW 3500-Cr.B:2023
12	Đồng (Cu)	mg/L	KPH	0,03	2,42	SMEWW 3111B:2023
13	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH	0,03	3,63	SMEWW 3111B:2023
14	Niken (Ni)	mg/L	KPH	0,003	0,605	SMEWW 3113B:2023
15	Mangan (Mn)	mg/L	KPH	0,03	1,21	SMEWW 3111B:2023
16	Sắt (Fe)	mg/L	KPH	0,04	6,05	TCVN 6177:1996
17	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	< 3	1	12,1	SMEWW 5520B&F:2023
18	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	KPH	0,03	0,605	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
19	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH	0,06	12,1	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

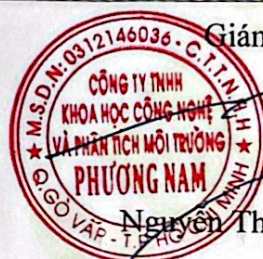
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C; Cột B (K _f =1,1; K _q =1,1)	Phương pháp phân tích
20	N - NH ₄ ⁺	mg/L	KPH	0,5	12,1	TCVN 5988:1995
21	Tổng Nito	mg/L	20,2	-	48,4	TCVN 6638:2000
22	Tổng Phospho	mg/L	1,7	-	7,26	SMEWW 4500-P.B&E:2023
23	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	KPH	0,03	2,42	TCVN 6225-2:2021
24	Coliforms	MPN/ 100ml	8,1 x 10 ²	-	5000	SMEWW 9221B:2023

TL.Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- Mẫu do Khách hàng gửi, mẫu niêm phong và chứa trong can nhựa 5 lít
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số lưu lượng/dung tích nguồn tiếp nhận nước thải (K_q) và hệ số lưu lượng nguồn thải (K_t)

BM03-QT7.8

Lần ban hành: 01-2020



CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, Tổ 6, Khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.

Điện thoại: (0251).8822.789

Email: bachvietdongnai2021@gmail.com



VIMCERTS 045

VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0564-25-KT

Đồng Nai, ngày 09 tháng 07 năm 2025

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CPCN CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI.
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CPCN CAO SU MIỀN NAM - XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI.
- Địa chỉ : Số 2/3, Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, TP.HCM.
- Ngày lấy mẫu : 30/06/2025, trời nắng
- Loại mẫu : Khí thải tại nguồn
- Thời gian thử nghiệm : 01/07/2025 - 08/07/2025
- Kết quả thử nghiệm :

Bảng 1: Đầu ra ống thoát khí thải (300625-01 (01-KT))

TT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/ BTNMT; cột B (Kv=0,6; Kp=1)
1.	Lưu lượng ⁽¹⁾	US EPA Method 02	m ³ /h	7.271	<20.000
2.	Bụi tổng ⁽¹⁾	US EPA Method 05	mg/Nm ³	80,1	120
3.	CO ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	39	600
4.	NO _x ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	109	510
5.	SO ₂ ⁽¹⁾	HDCV-QTKT-01	mg/Nm ³	38	300

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC



VÕ LÊ DUY KHÁNH